

**ĐIỂM THI**

**Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 27**

**Môn: Phần E.I: Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng phát triển tỉnh Cao Bằng**

**Ngày thi: 16/5/2025**

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Bé Thị Cúc	7,75	Bảy phẩy bảy năm	35	Lợi Luân Long	7,00	Bảy
2	Hà Việt Chung	7,50	Bảy phẩy năm	36	Nông Thị Mây	8,00	Tám
3	Hoàng Thị Diễm	7,00	Bảy	37	Đoàn Thị Minh	8,00	Tám
4	Nông Thị Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	38	Bé Thị Nương	8,25	Tám phẩy hai năm
5	Hoàng Thuý Diệu	8,00	Tám	39	Lưu Thu Nga	7,00	Bảy
6	Lý Ích Du	8,25	Tám phẩy hai năm	40	Nông Thị Ngoan	7,50	Bảy phẩy năm
7	Hoàng Thùy Dung	7,75	Bảy phẩy bảy năm	41	Trần Hồng Nguyên	7,50	Bảy phẩy năm
8	Mông Thùy Dung	8,00	Tám	42	Đinh Thị Ánh Nguyệt	7,00	Bảy
9	Lục Thị Dung	7,75	Bảy phẩy bảy năm	43	Hoàng Ánh Nguyệt	8,00	Tám
10	Phùng Văn Dũng	8,00	Tám	44	Tô Minh Nguyệt	8,00	Tám
11	Ma Kiên Duy	7,50	Bảy phẩy năm	45	Hoàng Bích Nhân	7,50	Bảy phẩy năm
12	Hoàng Văn Duy	7,00	Bảy	46	Nguyễn Thị Nhị	7,00	Bảy
13	Ngôn Thị Duyên	7,50	Bảy phẩy năm	47	Phan Thị Như	7,00	Bảy
14	Trương Văn Độ	7,00	Bảy	48	Đinh Thị Oanh	7,50	Bảy phẩy năm
15	Nông Thị Em	7,50	Bảy phẩy năm	49	Đinh Thị Ngọc Oanh	7,00	Bảy
16	Trịnh Thị Hào	8,00	Tám	50	Hà Hoài Phương	7,50	Bảy phẩy năm
17	Nông Thị Bích Hằng	8,00	Tám	51	Phùng Thị Phương	8,00	Tám
18	Lương Thị Hiền	6,50	Sáu phẩy năm	52	Ngọc Thị Minh Quyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
19	Liêu Văn Hiệp	6,75	Sáu phẩy bảy năm	53	Nông Thanh Quyết	8,00	Tám
20	Đàm Thị Hiệp	8,25	Tám phẩy hai năm	54	Đàm Thị Quỳnh	8,00	Tám
21	Hoàng Thị Hiếu	6,75	Sáu phẩy bảy năm	55	Đinh Phan Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm
22	Hoàng Thị Hòa	8,00	Tám	56	Phan Sỹ Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm

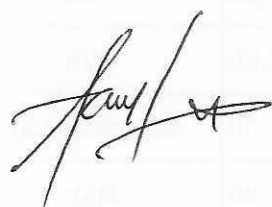
STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Lương Văn Hoán	6,50	Sáu phẩy năm	57	Bế Văn Tuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
24	Bế Ích Hoàng	8,00	Tám	58	Đỗ Thị Tuyết	7,50	Bảy phẩy năm
25	Triệu Văn Hội	7,25	Bảy phẩy hai năm	59	Dương Văn Tường	7,00	Bảy
26	Nông Thị Thu Hồng	8,00	Tám	60	Nông Thị Thanh	8,00	Tám
27	Nông Văn Hợp	8,25	Tám phẩy hai năm	61	Hoàng Văn Thịnh	8,00	Tám
28	Đinh Thị Thanh Kim Huệ	8,00	Tám	62	Nguyễn Thị Thoa	7,50	Bảy phẩy năm
29	Vương Thị Huệ	8,25	Tám phẩy hai năm	63	Hà Thị Thuận	7,00	Bảy
30	Lê Thị Mỹ Huyền	8,00	Tám	64	Phan Văn Thuận	7,00	Bảy
31	Dương Thị Hường	7,75	Bảy phẩy bảy năm	65	Phan Thị Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
32	Linh Quang Khương	7,50	Bảy phẩy năm	66	Nông Thị Vinh	7,50	Bảy phẩy năm
33	Nông Thị Thu Lê	7,50	Bảy phẩy năm	67	Trần Đức Xuân		Thôi học
34	Đinh Thị Lụa	8,00	Tám	68	Lý Thị Yên	7,50	Bảy phẩy năm

Điểm 6,50: 02 điểm; Điểm 6,75: 02 điểm; Điểm 7,00: 12 điểm; Điểm 7,25: 01 điểm; Điểm 7,50: 18 điểm; Điểm 7,75: 06 điểm; Điểm 8,00: 20 điểm; Điểm 8,25: 06 điểm./.

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thu Hằng**



**Đoàn Thị Vân Thúy**



**Hoàng Việt Hưng**